

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HS-ST
Ngày: 12 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh k.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thành Thủ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh k xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn B, sinh ngày 17/8/1999 tại huyện G, tỉnh k; Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh k; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ con; anh, chị em ruột có 02 người. Bị cáo là người lớn nhất trong gia đình, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 17/02/2022 đến ngày 23/02/2022 chuyển tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt.

Bị hại: Châu Hồng M, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh k (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh k (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Gia N, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh k (vắng mặt).
- Chị Huỳnh Thị Hoa L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh k (có mặt).
- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1943. Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh k (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 04/02/2022, Trần Văn B từ nhà thuộc ấp N, xã N, huyện G, tỉnh k, đi đến nhà bạn tên Thương Nhỏ thuộc ấp V, xã N, huyện G, tỉnh k chơi. Sau đó B gọi điện cho anh Châu Hồng M đến để cùng sử dụng ma túy, anh M đồng ý và mượn xe nhãn hiệu Honda, loại Vario, biển số kiểm soát 68G1 - 782... của chị Huỳnh Thị Hoa L đến gặp B. Khi thấy anh M điều khiển xe đến thì B nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe đem cầm lấy tiền tiêu xài. Lúc này, B nói dối hỏi mượn xe của anh M để đi lấy ma túy về cùng sử dụng. Anh M tin nên giao xe cho B mượn. Sau khi lấy được xe B gọi điện thoại cho anh Nguyễn Gia N nhờ tìm chỗ cầm xe giữ. B cùng với anh N mang xe cầm cho anh Nguyễn Minh L với giá 15.000.000 đồng và lấy tiền tiêu xài. Sau đó, anh Châu Hồng M đến Công an trình báo. Đến ngày 17/02/2022, B bị bắt tạm giữ sau đó khởi tố chuyển tạm giam để điều tra cho đến nay.

Đối với anh Nguyễn Gia N do bị cáo B nhờ mang xe đi cầm không biết tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng chuyển hồ sơ về địa phương quản lý giáo dục.

Đối với ông Nguyễn Minh L đã nhận cầm cố tài sản không biết tài sản do phạm tội mà có. Sau đó, bán lại cho một người tên Quốc ở Tân Hiệp (không xác định được cụ thể tên, địa chỉ). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã cho ông L làm bản cam kết giao nộp lại tài sản trên, nhưng hiện tại ông L bỏ trốn khỏi đại phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng tiếp tục truy tìm làm việc và đề nghị xử lý sau.

Vật chứng trong vụ án là 01 (một) chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại Vario 125, màu Nâu - Đen, Biển số kiểm soát 68G1 - 782... không thu giữ được, lý do: Trần Văn B đã cầm cho Nguyễn Thành L. Sau đó L tiếp tục đem đi cầm cho một người tên Hoàng Quốc (Âu) ở kênh 6, thuộc xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên

Giang. Qua xác minh không có đối tượng tên Hoàng Quốc (Âu) nên không thu hồi được vật chứng của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 21/CT- VKS ngày 15/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã truy tố bị cáo Trần Văn B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Đến nay bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo B tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo nội dung Bản cáo trạng. Kiểm sát viên luận tội căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn B mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 46.000.000 đồng.

- Người bị hại anh Châu Hồng M đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật, buộc bị cáo bồi thường số tiền 46.000.000 đồng và bị cáo B đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

- Ông T, chị L xác định không yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án này.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 04/02/2022, bị cáo Trần Văn B mượn xe nhãn hiệu Honda, loại Vario biển số kiểm soát 68G1 - 782... của anh Châu Hồng M (xe do anh M mượn của chị Huỳnh Thị Hoa L) và nói dối là mượn xe của anh M để đi lấy ma túy về cùng sử dụng. Anh M tin nên giao xe cho B mượn. Sau khi lấy được xe, do từ đầu đã có ý định cầm xe để lấy tiền tiêu xài nên B gọi điện thoại cho anh Nguyễn Gia N nhờ tìm chỗ cầm xe giúp B. B cùng với anh N mang xe cầm cho ông Nguyễn Minh L với giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để lấy tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân. Sau đó, L cầm xe lại cho một người tên Quốc ở Tân Hiệp (không xác định được cụ thể tên, địa chỉ).

[3] Xét nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo B chưa có tiền án, tiền sự nên được xác định là có nhân thân tốt.

Tại thời điểm phạm tội, bị cáo B là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân. Bị cáo đã có hành vi gian dối bằng thủ đoạn hỏi mượn xe của anh M đi lấy ma túy về cùng sử dụng để anh M tin, khi lấy được tài sản bị cáo đã tìm chỗ cầm xe để lấy tiền tiêu xài. Ý thức của việc chiếm đoạt đã thể hiện trước khi bị cáo thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi trên của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân. Vì vậy, cần phải phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra cũng như tại phiên Tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tuy nhiên tài sản chiếm đoạt bị cáo đã cầm cho anh L và anh L đã cầm cho người khác nên hiện

nay tài sản không thu hồi lại được, số tiền gây thiệt hại là lớn so với số tiền quy định trong khung hình phạt, bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại và tại phiên tòa bị cáo xác định không có tài sản, không có công việc ổn định nên bị cáo khó có khả năng bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để chuyển khung hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 46.000.000 đồng. Do đó HĐXX ghi nhận để buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 46.000.000 đồng.

Ông Thông, chị Lài không yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án này nên ông Thông, chị Lài có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để yêu cầu anh M bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

[6] Vật chứng trong vụ án là 01 (một) chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại Vario 125, màu Nâu - Đen, biển số kiểm soát 68G1 - 782... Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng không thu giữ được, lý do: Bị cáo đã cầm cho ông Nguyễn Minh L. Sau đó ông L tiếp tục đem đi cầm cho một người tên Hoàng Quốc (Âu) ở kênh 6, thuộc xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Qua xác minh chưa xác định được đối tượng tên Hoàng Quốc (Âu) nên không thu hồi được vật chứng của vụ án.

[7] Đối với anh Nguyễn Gia N do bị cáo B nhờ mang xe đi cầm không biết tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng chuyển hồ sơ về địa phương quản lý giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Minh L đã nhận cầm cố tài sản không biết tài sản do phạm tội mà có. Sau đó, bán lại cho một người tên Quốc ở huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (hiện tại không xác định được cụ thể tên, địa chỉ). Hiện tại ông L bỏ trốn khỏi đại phương nên chưa xử lý được. HĐXX kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng tiếp tục xử lý các trường hợp này theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $46.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.300.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 260, Điều 268, Điều 269, Điều 299, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn B **17 (mười bảy) tháng tù**; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17/02/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn B phải bồi thường cho bị hại là anh Châu Hồng M số tiền 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng) ngay sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Nhà tạm giữ CA huyện GR;
- Cơ quan CS điều tra;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

Hồ Ngọc Luân